

BÀI 3

LÝ LUẬN VỀ PHÁP LUẬT

Giảng viên: Ths. Đào Ngọc Báu

MỤC TIÊU BÀI HỌC

- Giúp học viên có kiến thức cơ bản nhất về sự ra đời và bản chất của pháp luật;
- Trang bị cho học viên kiến thức về kiểu pháp luật và hình thức pháp luật;
- Giúp học viên hiểu được mối quan hệ giữa nhà nước và pháp luật.



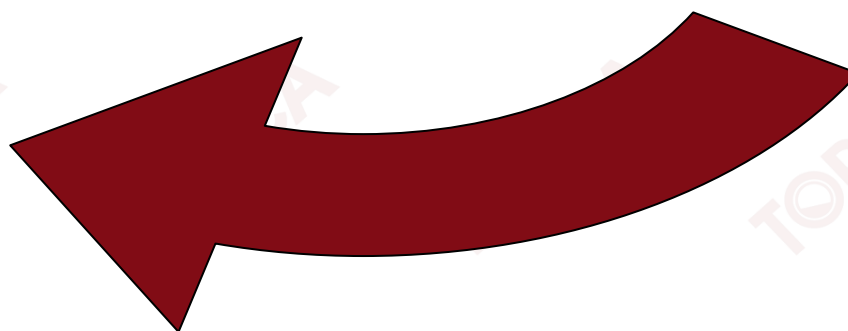
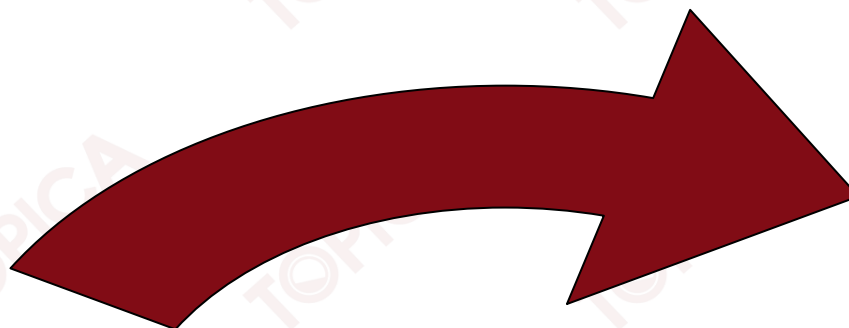
CẤU TRÚC NỘI DUNG



3.1. NGUỒN GỐC CỦA PHÁP LUẬT

Sự ra đời của
pháp luật;

Đặc điểm của
pháp luật.



3.1.1. SỰ RA ĐỜI CỦA PHÁP LUẬT

- Điều kiện cho sự ra đời của nhà nước cũng là điều kiện cho sự ra đời của pháp luật, cụ thể là:
 - Xã hội có sự phân chia giai cấp;
 - Xuất hiện chế độ tư hữu.
- Pháp luật được hình thành bằng hai con đường:
 - Nhà nước thừa nhận các tập quán sẵn có trong xã hội và nâng chúng lên thành các quy phạm pháp luật có giá trị bắt buộc thi hành;
 - Nhà nước ban hành các văn bản quy phạm pháp luật.



3.1.2. ĐẶC ĐIỂM CỦA PHÁP LUẬT

Pháp luật có tính quy phạm phổ biến

Pháp luật mang tính ý chí

Pháp luật có tính cưỡng chế (tính quyền lực nhà nước)

3.2. BẢN CHẤT CỦA PHÁP LUẬT

**Bản chất
giai cấp;**

**Bản chất
xã hội.**



3.2.1. BẢN CHẤT GIAI CẤP

- Pháp luật thể hiện ý chí của giai cấp thống trị trong xã hội;
- Pháp luật luôn hướng đến bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị trong xã hội.



3.2.2. BÀN CHẤT XÃ HỘI

Ở một chừng mực nhất định pháp luật còn thể hiện ý chí và lợi ích của các giai cấp, tầng lớp khác trong xã hội.

3.2.3. ĐỊNH NGHĨA PHÁP LUẬT

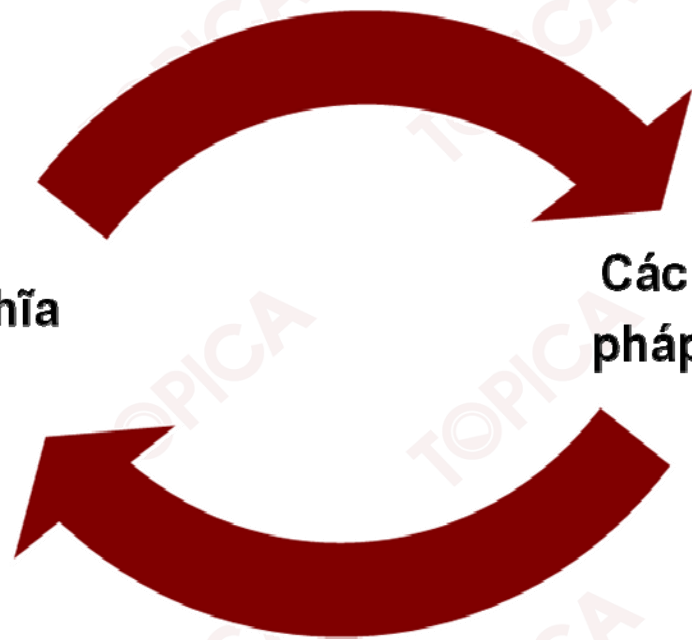
Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự do nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện, thể hiện ý chí của giai cấp thống trị trong xã hội trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội.

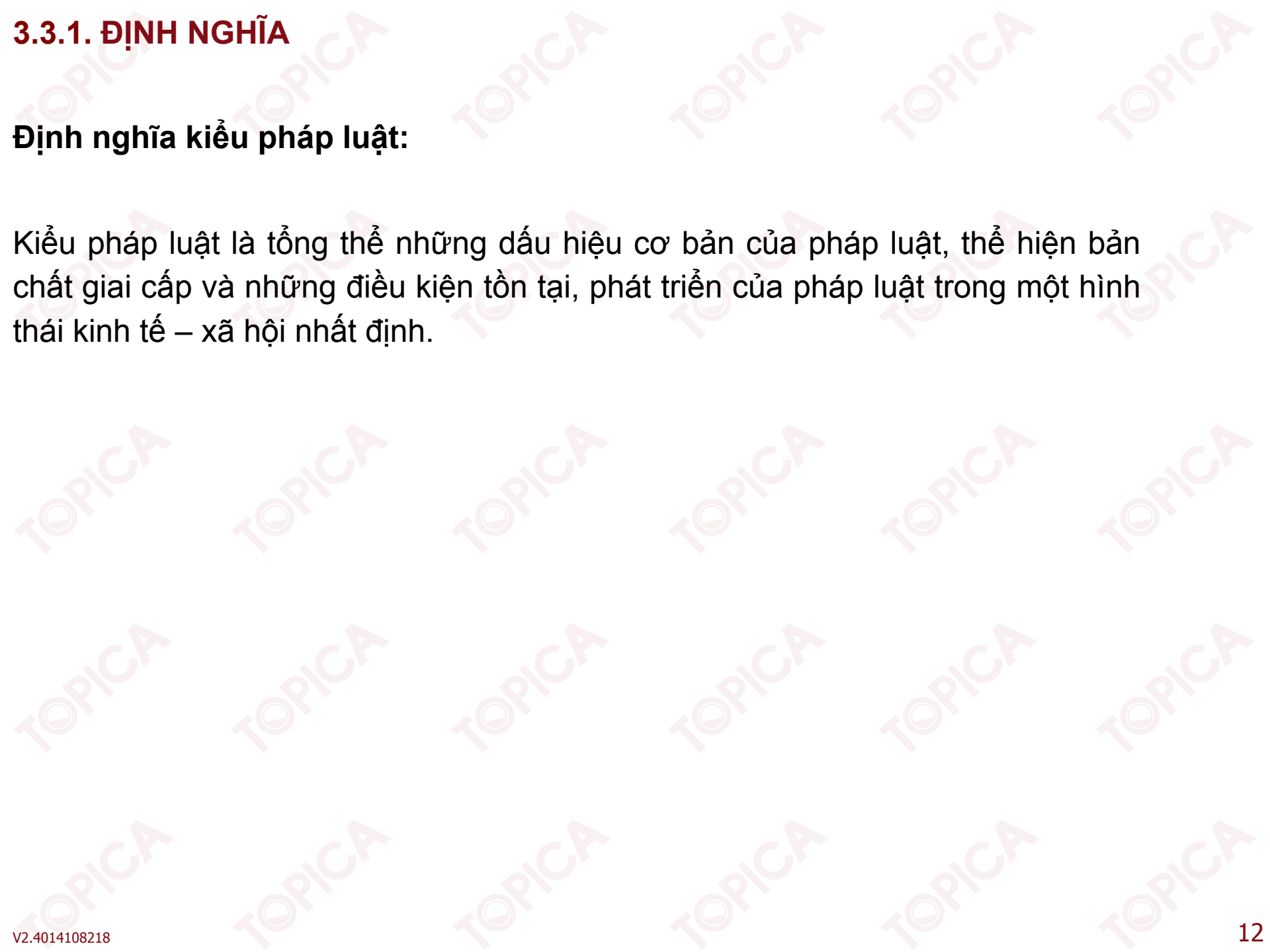


3.3. KIỂU PHÁP LUẬT

Định nghĩa

**Các kiểu
pháp luật**





3.3.1. ĐỊNH NGHĨA

Định nghĩa kiểu pháp luật:

Kiểu pháp luật là tổng thể những dấu hiệu cơ bản của pháp luật, thể hiện bản chất giai cấp và những điều kiện tồn tại, phát triển của pháp luật trong một hình thái kinh tế – xã hội nhất định.

3.3.2. CÁC KIỂU PHÁP LUẬT

a.Pháp luật chủ nô

b.Pháp luật xã hội chủ nghĩa

c.Pháp luật phong kiến

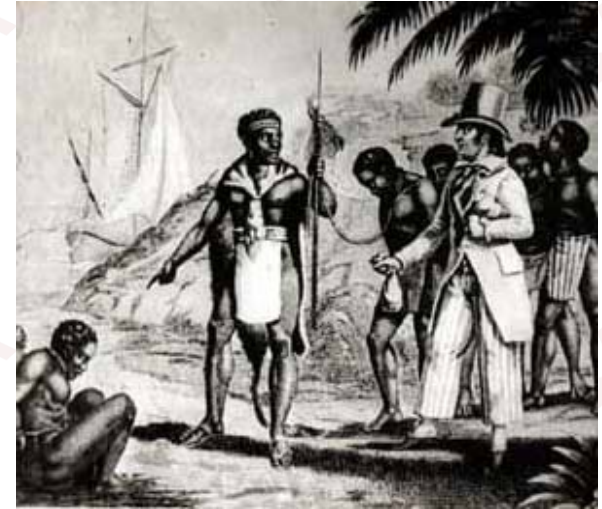
d.Pháp luật tư sản

3.3.2. CÁC KIỂU PHÁP LUẬT (tiếp theo)

a. Pháp luật chủ nô

Pháp luật chủ nô có các đặc điểm sau:

- Thứ nhất, pháp luật chủ nô thừa nhận sự bất bình đẳng trong xã hội.
- Thứ hai, pháp luật chủ nô thừa nhận sự thống trị tuyệt đối của chủ nô nam giới đối với vợ và các con trong gia đình.
- Thứ ba, pháp luật chủ nô rất tàn bạo và dã man.
- Thứ tư, pháp luật chủ nô chủ yếu tồn tại dưới hình thức tập quán pháp.



3.3.2. CÁC KIỂU PHÁP LUẬT (tiếp theo)

b. Pháp luật phong kiến

Pháp luật phong kiến có các đặc điểm sau:

- Thứ nhất, pháp luật phong kiến thể hiện công khai sự đối xử bất bình đẳng giữa các đẳng cấp khác nhau trong xã hội.
- Thứ hai, pháp luật phong kiến rất hà khắc và dã man.
- Thứ ba, pháp luật phong kiến chứa đựng nhiều quy định mang tính chất tôn giáo.

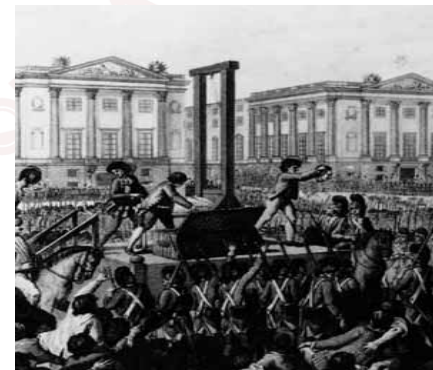


3.3.2. CÁC KIỂU PHÁP LUẬT (tiếp theo)

c. Pháp luật tư sản

Pháp luật tư sản có các đặc điểm sau:

- Thứ nhất, pháp luật tư sản bảo vệ chế độ tư hữu của tất cả mọi người.
- Thứ hai, pháp luật tư sản bảo đảm quyền tự do, dân chủ của cá nhân về mặt pháp lý nhưng hạn chế những quyền này trên thực tế.
- Thứ ba, chức năng xã hội của pháp luật tư sản đã có sự phát triển đáng kể so với pháp luật chủ nô và pháp luật phong kiến.



3.3.2. CÁC KIỂU PHÁP LUẬT (tiếp theo)

c. Pháp luật tư sản (tiếp theo)

Những đóng góp về mặt giá trị xã hội của pháp luật tư sản:

- Pháp luật tư sản ngày càng trở thành công cụ điều tiết có hiệu quả đối với các quan hệ xã hội, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế;
- Pháp luật tư sản ngày càng mở rộng phạm vi điều chỉnh các quan hệ xã hội và điều chỉnh có hiệu quả các quan hệ xã hội này;
- Pháp luật tư sản có giá trị toàn cầu hóa to lớn, định ra nhiều chuẩn mực trong một số lĩnh vực cho pháp luật quốc tế giai đoạn hiện nay.

3.3.2. CÁC KIỂU PHÁP LUẬT (tiếp theo)

d. Pháp luật xã hội chủ nghĩa

Pháp luật xã hội chủ nghĩa là kiểu pháp luật cuối cùng trong lịch sử, là công cụ để thực hiện sự thống trị của nhân dân lao động đối với thiểu số phần tử bóc lột, thể hiện qua các đặc điểm sau:

- Pháp luật xã hội chủ nghĩa sử dụng các biện pháp cưỡng chế kết hợp với giáo dục thuyết phục;
- Pháp luật xã hội chủ nghĩa thể hiện ý chí của giai cấp công nhân và nhân dân lao động;
- Pháp luật xã hội chủ nghĩa có tính thống nhất nội tại cao.

3.4. HÌNH THỨC PHÁP LUẬT

3.4.1. Định nghĩa về
hình thức pháp luật

3.4.2. Tập quán pháp

3.4.3. Tiền lệ pháp

3.4.4. Văn bản quy
phạm pháp luật

3.4.1. ĐỊNH NGHĨA HÌNH THỨC PHÁP LUẬT

- Hình thức pháp luật là cách thức mà giai cấp thống trị sử dụng để nâng ý chí của giai cấp mình lên thành pháp luật.
- Có ba hình thức pháp luật là:
 - Tập quán pháp;
 - Tiền lệ pháp;
 - Văn bản quy phạm pháp luật.
- Phân biệt nguồn của pháp luật và nguồn gốc của pháp luật:
 - Nguồn của pháp luật = hình thức pháp luật;
 - Nguồn gốc của pháp luật = phương thức hình thành pháp luật.

3.4.2. TẬP QUÁN PHÁP

Tập quán pháp là hình thức nhà nước thừa nhận một số tập quán đã lưu truyền trong xã hội, phù hợp với lợi ích của giai cấp thống trị, nâng chúng thành những quy tắc xử sự chung được nhà nước bảo đảm thực hiện.

- **Ưu điểm:** Dễ được mọi người chấp nhận và tự giác thi hành.
- **Hạn chế:** Không có sự thống nhất chung bởi mỗi địa phương thường có những tập quán không giống nhau, do đó khi áp dụng tập quán rất dễ phát sinh tranh chấp.

3.4.3. TIỀN LỆ PHÁP

Tiền lệ pháp là hình thức nhà nước thừa nhận các quyết định của cơ quan hành chính nhà nước hoặc cơ quan xét xử khi giải quyết những vụ việc cụ thể để áp dụng đối với các trường hợp tương tự.

- **Ưu điểm:** Tạo ra sự linh hoạt trong hoạt động xét xử của tòa án và có thể giúp cho tòa án xét xử “*vừa hợp tình vừa hợp lý*”.
- **Hạn chế:**
 - Có thể tạo ra sự tùy tiện trong ban hành pháp luật và không phân định rõ chức năng của các cơ quan nhà nước;
 - Làm cho hệ thống pháp luật trở nên phức tạp và người dân sẽ khó tiếp cận và thực hiện đầy đủ được các quy định của pháp luật.

3.4.4. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Văn bản quy phạm pháp luật là hình thức nhà nước ghi nhận các quy phạm pháp luật trong các văn bản được ban hành theo trình tự, thủ tục nhất định bởi các chủ thể có thẩm quyền:

- **Ưu điểm:**

Được ban hành theo trình tự, thủ tục chặt chẽ, nội dung rõ ràng và tạo ra sự thống nhất trong thực hiện pháp luật.

- **Hạn chế:**

- Pháp luật thành văn có tính ổn định tương đối, không theo kịp sự thay đổi của xã hội.
- Nhà làm luật không thể dự liệu được hết các tình huống xảy ra trong thực tế bởi vậy có khả năng là một số quan hệ xã hội phát sinh mà không được pháp luật điều chỉnh.

